### UC1: Điểm danh nhân viên

**Use Case Description**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Name** | Điểm danh nhân viên | **Code** | UC1 |
| **Description** | Cho phép actor điểm danh nhân viên trong phòng ban. | | |
| **Actor** | Staff | **Trigger** | Actor click button **[Attandance]** |
| **Pre-condition** | Actor đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| **Post condition** | Actor có được danh sách nhân viên đã điểm danh trong ngày | | |

**Activities**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Danh sách nhân viên đã điểm danh trong ngày** | | | |
| 11 | Actor bấm “Switch” |  |  |
|  |  | 12 | Hệ thống chuyển từ đợt điểm danh ca 1 sang điểm danh ca 2 (ca sáng sang ca chiều) |
| 1 | Actor bấm “Start điểm danh” |  |  |
|  |  | 2 | Hệ thống lấy list dữ liệu “image” trong bảng WorkerList trong CSDL. |
|  |  | 3 | Hệ thống quét khuôn mặt rồi so sánh trong dữ liệu vừa lấy. |
|  |  | 4 | Hệ thống thêm tên nhân viên và thời gian điểm danh vào danh sách nhân viên đã điểm danh được hiển thị trên màn hình. |
| 5 | Actor bấm “End điểm danh” |  |  |
|  |  | 7 | Hệ thống hiển thị thông báo kết thúc điểm danh. |
|  |  | 8 | Hệ thống lọc id nhân viên trong danh sách nhân viên đã điểm danh trên màn hình và đưa ra danh sách nhân viên chưa điểm danh. |
|  |  | 9 | Hệ thống thêm thông tin danh sách gồm id nhân viên, id phòng ban, ca điểm danh và thời gian điểm danh vào bảng Attendance trong csdl. |
|  |  | 10 | Hệ thống đưa ra thông báo cập nhật dữ liệu thành công |

**Business Rules**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Rule No.** | **Rule** | **Description** |
|  |  |  |

**System Message**

**N/A**

### UC2: Thêm nhân viên

**Use Case Description**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Name** | Quản lý nhân viên | **Code** | UC2 |
| **Description** | Cho phép actor quản lý nhân viên trong công ty | | |
| **Actor** | Staff | **Trigger** | Actor click button **[Thêm mới]** trên màn hình Quản lý nhân viên |
| **Pre-condition** | Actor đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| **Post condition** | Thêm thành công nhân viên | | |

**Activities**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Thêm nhân viên thành công** | | | |
| 1 | Từ màn hình bất kỳ, actor lựa chọn left menu **Quản lý nhân viên /Thêm mới** |  |  |
|  |  | 2 | Hệ thống Load trang Thêm mới thông tin người dùng |
| 3 | Nhập vào các thông tin được yêu cầu. |  |  |
|  |  | 4 | Validation các thông tin nhập vào. |
| 5 | Sửa lại những thông tin chưa đúng (nếu hệ thông check validation chưa đúng). |  |  |
|  |  | 6 | Lưu thông tin người dùng mới vào bảng WorkerList trên CSDL, thông báo thành công và chuyển sang trang Quản lý nhân viên |

**Business Rules**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Rule No.** | **Rule** | **Description** |
|  |  |  |

**System Message**

**N/A**

### UC3: Cập nhật thông tin nhân viên

**Use Case Description**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Name** | Cập nhật thông tin nhân viên | **Code** | UC3 |
| **Description** | Cho phép actor cập nhật thông nhân viên trong phòng ban. | | |
| **Actor** | Staff | **Trigger** | Actor click button **[Cập nhật]** ở bên phải nhân viên cần sửa trong danh sách nhân viên tại phòng ban được hiển thị trên màn hình Quản lý nhân viên |
| **Pre-condition** | Actor đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| **Post condition** | Cập nhật thông tin nhân viên thành công | | |

**Activities**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Cập nhật thông tin nhân viên thành công** | | | |
| 1 | Actor click button **[Cập nhật]** ở bên phải nhân viên cần sửa trong danh sách nhân viên tại phòng ban được hiển thị trên màn hình Quản lý nhân viên |  |  |
|  |  | 2 | Hệ thống lấy thông tin của nhân viên cần sửa trong bảng WorkerList trên CSDL rồi hiển thị lên trang Thông tin nhân viên |
| 3 | Cập nhật những thông tin cần thiết rồi ấn button **[Cập nhật]** |  |  |
|  |  | 4 | Validation các thông tin nhập vào. |
| 5 | Sửa lại những thông tin chưa đúng (nếu hệ thông check validation chưa đúng). |  |  |
|  |  | 6 | Hệ thống update thông tin nhân viên trong bảng WorkerList trên CSDL. Hệ thống thông báo thành công và chuyển về màn hình Quản lý nhân viên |

**Business Rules**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Rule No.** | **Rule** | **Description** |
|  |  |  |

**System Message**

**N/A**

### UC4: Xóa nhân viên

**Use Case Description**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Name** | Xóa nhân viên | **Code** | UC4 |
| **Description** | Cho phép actor xóa nhân viên trong công ty | | |
| **Actor** | Staff | **Trigger** | Actor click button **[Xóa]** ở bên phải nhân viên cần sửa trong danh sách nhân viên tại phòng ban được hiển thị trên màn hình Quản lý nhân viên |
| **Pre-condition** | Actor đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| **Post condition** | Xóa nhân viên thành công | | |

**Activities**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Xóa nhân viên thành công** | | | |
| 1 | Actor click button **[Xóa]** ở bên phải nhân viên cần sửa trong danh sách nhân viên tại phòng ban được hiển thị trên màn hình Quản lý nhân viên |  |  |
|  |  | 2 | Hệ thống hiển thị thông báo “Xác nhận xóa ?” |
| 3 | Actor click **[Xác nhận]** |  |  |
|  |  | 4 | Hệ thống xóa thông tin nhân viên đó ra khỏi bảng WorkerList và những bảng liên quan trên CSDL. Thông báo thành công và chuyển sang trang Quản lý nhân viên |

**Business Rules**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Rule No.** | **Rule** | **Description** |
|  |  |  |

**System Message**

**N/A**

### UC5: Tìm kiếm nhân viên

**Use Case Description**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Name** | Tìm kiếm nhân viên | **Code** | UC5 |
| **Description** | Cho phép actor tìm kiếm nhân viên trong phòng ban bằng mã ID | | |
| **Actor** | Staff | **Trigger** | Actor click button **[Tìm kiếm]** bên cạnh thanh tìm kiếmtrên màn hình Quản lý nhân viên |
| **Pre-condition** | Actor đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| **Post condition** | Tìm kiếm nhân viên thành công | | |

**Activities**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Tìm kiếm nhân viên thành công** | | | |
| 1 | Actor nhập mã Id của nhân viên cần tìm vào thanh tìm kiếm rồi click button **[Tìm kiếm]** trênmàn hình Quản lý nhân viên |  |  |
|  |  | 2 | Hệ thống tìm nhân viên có mã ID trùng với ID actor nhập trong bảng WorkerList trên CSDL rồi hiển thị lên list nhân viên trên màn hình Quản lý nhân viên |

**Business Rules**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Rule No.** | **Rule** | **Description** |
|  |  |  |

**System Message**

**N/A**

### UC06: Đăng nhập

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Name** | Login | **Code** | UC6 |
| **Description** | Cho phép actor đăng nhập vào hệ thống | | |
| **Actor** | Admin/Staff/Accountant | **Trigger** | Actor bấm nút **[Login]** |
| **Pre-condition** | Điền đủ vào ô tài khoản và mật khẩu | | |
| **Post condition** | Chuyển tới trang menu với role tương ứng | | |

**Activities**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Login thành công** | | | |
| 1 | Actor nhập tên đăng nhập/mật khẩu và click vào button Login trên trang đăng nhập ([SC01](#_SC01:_My_Profile)). |  |  |
|  |  | 2 | Kiểm tra tên đăng nhập/mật khẩu là chính xác sau đó chuyển tới trang default role tương ứng ([SC03](#_SC03:_My_Group), [SC02](#_SC02:_List_users)...) |

**Business Rules**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Rule No.** | **Rule** | **Description** |
|  |  |  |

**System Message**

|  |  |
| --- | --- |
| MS01 | “Tên Đăng Nhập và/hoặc Mật Khẩu của bạn không chính xác. Vui lòng kiểm tra và thử lại.”  Message thông báo khi actor nhập sai tên đăng nhập/mật khẩu |

### UC7: Lấy lại mật khẩu

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Name** | Lấy lại mật khẩu | **Code** | UC7 |
| **Description** | Cho phép actor lấy lại mật khẩu qua email đã được tạo tài khoản trước đó | | |
| **Actor** | Staff | **Trigger** | Actor bấm nút **[Can’t login]** ở màn hình đăng nhập |
| **Pre-condition** | Điền đủ thông tin yêu cầu: user name, full name, email đăng kí | | |
| **Post condition** | Hệ thống gửil thông tin mật khẩu của người dùng qua email thành công | | |

**Activities**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Hệ thống gửil thông tin mật khẩu của người dùng qua email thành công** | | | |
| 1 | Người dùng bấm nút “Can’t login” |  |  |
|  |  | 2 | Hệ thống chuyển sang trang Recovery |
| 3 | Người dùng nhập thông tin cần thiết để lấy lại mật khẩu như user name, họ tên, địa chỉ email, ... |  |  |
| 4 | Người dùng bấm nút “Recovery” |  |  |
|  |  | 5 | Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin người dùng. Nếu thông tin hợp lệ, hệ thống sẽ gửi mật khẩu của người dùng đó bằng email của hệ thống sang email mà người dùng đã đăng kí trước đó. |
| 6 | Người dùng bấm nút “Back” |  |  |
|  |  | 7 | Hệ thống chuyển đến trang Đăng nhập. |

**Business Rules**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Rule No.** | **Rule** | **Description** |
|  |  |  |

**System Message**

|  |  |
| --- | --- |
| MS02 | “Vui lòng điền đủ thông tin cần thiết để lấy lại mật khẩu.”  Message thông báo khi actor không nhập đủ thông tin được yêu cầu |
| MS03 | “Gửi thành công”  Message thông báo khi actor điền đủ thông tin và hợp lệ sau khi hệ thống gửi mật khẩu qua email. |

### UC8: Thêm tài khoản

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Name** | Thêm tài khoản | **Code** | UC8 |
| **Description** | Cho phép actor thêm tài khoản staff/admin trong công ty | | |
| **Actor** | Admin | **Trigger** | Actor click button **[Thêm mới]** trên màn hình Quản lý tài khoản |
| **Pre-condition** | Actor đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| **Post condition** | Thêm thành công tài khoản | | |

**Activities**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Thêm tài khoản thành công** | | | |
| 1 | Từ màn hình bất kỳ, actor lựa chọn left menu **Quản lý tài khoản/Thêm mới** |  |  |
|  |  | 2 | Hệ thống Load trang Thêm mới thông tin tài khoản |
| 3 | Nhập vào các thông tin được yêu cầu. |  |  |
|  |  | 4 | Validation các thông tin nhập vào. |
| 5 | Sửa lại những thông tin chưa đúng (nếu hệ thông check validation chưa đúng). |  |  |
|  |  | 6 | Lưu thông tin người dùng mới vào bảng Account trên CSDL, thông báo thành công và chuyển sang trang Quản lý tài khoản |

**Business Rules**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Rule No.** | **Rule** | **Description** |
|  |  |  |

**System Message**

**N/A**

### UC9: Cập nhật tài khoản

**Use Case Description**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Name** | Cập nhật thông tin tài khoản | **Code** | UC9 |
| **Description** | Cho phép actor cập nhật thông tin tài khoản trong hệ thống. | | |
| **Actor** | Admin | **Trigger** | Actor click button **[Cập nhật]** ở bên phải tài khoản cần sửa trong danh sách tài khoản của hệ thống được hiển thị trên màn hình Quản lý tài khoản |
| **Pre-condition** | Actor đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| **Post condition** | Cập nhật tài khoản thành công | | |

**Activities**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Cập nhật thông tin tài khoản thành công** | | | |
| 1 | Actor click button **[Cập nhật]** ở bên phải tài khoản cần sửa trong danh sách tài khoản của hệ thống được hiển thị trên màn hình Quản lý tài khoản |  |  |
|  |  | 2 | Hệ thống lấy thông tin của tài khoản cần sửa trong bảng Account trên CSDL rồi hiển thị lên trang Thông tin tài khoản |
| 3 | Cập nhật những thông tin cần thiết rồi ấn button **[Cập nhật]** |  |  |
|  |  | 4 | Validation các thông tin nhập vào. |
| 5 | Sửa lại những thông tin chưa đúng (nếu hệ thông check validation chưa đúng). |  |  |
|  |  | 6 | Hệ thống update thông tin tài khoản trong bảng WorkerList trên CSDL. Hệ thống thông báo thành công và chuyển về màn hình Quản lý tài khoản |

**Business Rules**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Rule No.** | **Rule** | **Description** |
|  |  |  |

**System Message**

**N/A**

### UC10: Xóa tài khoản

**Use Case Description**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Name** | Xóa tài khoản | **Code** | UC10 |
| **Description** | Cho phép actor xóa tài khoản trong công ty | | |
| **Actor** | Admin | **Trigger** | Actor click button **[Xóa]** ở bên phải tài khoản cần sửa trong danh sách tài khoản của hệ thống được hiển thị trên màn hình Quản lý tài khoản |
| **Pre-condition** | Actor đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| **Post condition** | Xóa tài khoản thành công | | |

**Activities**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Xóa tài khoản thành công** | | | |
| 1 | Actor click button **[Xóa]** ở bên phải tài khoản cần xóa của hệ thống được hiển thị trên màn hình Quản lý tài khoản |  |  |
|  |  | 2 | Hệ thống hiển thị thông báo “Xác nhận xóa ?” |
| 3 | Actor click **[Xác nhận]** |  |  |
|  |  | 4 | Hệ thống xóa thông tin tài khoản đó ra khỏi bảng Account và những bảng liên quan trên CSDL. Thông báo thành công và chuyển sang trang Quản lý tài khoản |

**Business Rules**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Rule No.** | **Rule** | **Description** |
|  |  |  |

**System Message**

|  |  |
| --- | --- |
| MS04 | “Xác nhận xóa  Message thông báo khi actor nhập xóa |

### UC11: Tìm kiếm tài khoản

**Use Case Description**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Name** | Tìm kiếm tài khoản | **Code** | UC11 |
| **Description** | Cho phép actor tìm kiếm tài khoản bằng tên đăng nhập hoặc email | | |
| **Actor** | Admin | **Trigger** | Actor click button **[Tìm kiếm]** bên cạnh thanh tìm kiếmtrên màn hình Quản lý tài khoản |
| **Pre-condition** | Actor đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| **Post condition** | Tìm kiếm tài khoản thành công | | |

**Activities**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Tìm kiếm tài khoản thành công** | | | |
| 1 | Actor nhập tên đăng nhập hoặc email của tài khoản cần tìm vào thanh tìm kiếm rồi click button **[Tìm kiếm]** trênmàn hình Quản lý tài khoản |  |  |
|  |  | 2 | Hệ thống tìm tài khoản có tên đăng nhập/ email trùng với tên đăng nhập/ email actor nhập trong bảng Account trên CSDL rồi hiển thị lên list tài khoản trên màn hình Quản lý tài khoản |

**Business Rules**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Rule No.** | **Rule** | **Description** |
|  |  |  |

**System Message**

**N/A**

### UC12: Xuất báo cáo theo ngày

##### **Use Case Description**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Name** | Xuất danh sách theo ngày | **Code** | UC12 |
| **Description** | Cho phép actor có thông tin danh sách nhân viên nghỉ/ đi làm theo ngày | | |
| **Actor** | Staff | **Trigger** | Actor click button **[Export]** trong trang Report\_Day |
| **Pre-condition** | Actor đã đăng nhập vào hệ thống, điền thông tin ngày-tháng-năm | | |
| **Post condition** | Xuất báo cáo theo ngày thành công | | |

##### **Activities**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Xuất báo cáo theo ngày thành công** | | | |
| 1 | Người dùng truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Report". |  |  |
|  |  | 2 | Hệ thống hiển thị trang Report\_Day(mặc định) |
| 3 | Người dùng nhập thông tin ngày-tháng-năm muốn lấy rồi bấm “Search” |  |  |
|  |  | 4 | Hệ thống truy xuất dữ liệu từ bảng Attendance trong cơ sở dữ liệu sao cho dữ liệu ngày tháng năm trong bảng Attendance trùng với ngày/tháng/năm mà người quản lý muốn xuất. |
|  |  | 5 | Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên đi làm và nghỉ của ngày hôm đó vào 2 bảng nhân viên đi làm và nhân viên vắng của cả 2 ca trong trang Report. (2 bảng của ca 2 sẽ được ẩn đi, nếu người dùng đổi comboBox sang ca2 thì bảng của ca 2 sẽ hiện lên và ca 1 sẽ ẩn đi). |
| 6 | Người dùng bấm “Export” |  |  |
|  |  | 7 | Hệ thống hiện cửa sổ chọn vị trí lưu file báo cáo. |
| 8 | Người dùng chọn vị trí lưu file và tên file được để mặc định theo format:” Ngày \_ Tháng \_ Năm \_ Phòngban ” (được phép chỉnh sửa), rồi bấm lưu |  |  |
|  |  | 7 | Hệ thống xuất báo cáo vào đúng vị trí người dùng đã chọn. |

##### **Business Rules**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Rule No.** | **Rule** | **Description** |
|  |  |  |

##### **System Message**

##### **N/A**

### UC13: Xuất báo cáo theo tháng

##### **Use Case Description**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Name** | Xuất danh sách theo ngày | **Code** | UC13 |
| **Description** | Cho phép actor có thông tin danh sách nhân viên và số ca đi làm theo tháng | | |
| **Actor** | Staff | **Trigger** | Actor click button **[Export]** trong trang Report\_Month |
| **Pre-condition** | Actor đã đăng nhập vào hệ thống, điền thông tin tháng muốn xem | | |
| **Post condition** | Xuất báo cáo tho tháng thành công | | |

##### **Activities**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Xuất báo cáo theo tháng thành công** | | | |
| 1 | Người dùng truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Report". |  |  |
|  |  | 2 | Hệ thống hiển thị trang Report\_Day |
| 3 | Người dùng bấm nút “Month” trên màn hình |  |  |
|  |  | 4 | Hệ thống hiển thị trang Report\_Month |
| 5 | Người dùng nhập thông tin tháng muốn lấy rồi bấm “Search” |  |  |
|  |  | 6 | Hệ thống truy xuất dữ liệu từ bảng Attendance trong cơ sở dữ liệu lấy thông tin gồm tên các nhân viên, tháng đã nhập, số ca đi làm trong tháng |
|  |  | 7 | Hệ thống hiển thị danh sách đó lên bảng trên màn hình |
| 8 | Người dùng bấm “Export” |  |  |
|  |  | 9 | Hệ thống hiện cửa sổ chọn vị trí lưu file báo cáo. |
| 10 | Người dùng chọn vị trí lưu file và tên file được để mặc định theo format:” Tháng \_ Năm \_ Phòngban ” (được phép chỉnh sửa), rồi bấm lưu |  |  |
|  |  | 11 | Hệ thống xuất báo cáo vào đúng vị trí người dùng đã chọn. |

##### **Business Rules**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Rule No.** | **Rule** | **Description** |
|  |  |  |

##### **System Message**

##### **N/A**

### UC14: Gửi báo cáo theo ngày qua email

##### **Use Case Description**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Name** | Gửi báo cáo theo ngày qua email | **Code** | UC14 |
| **Description** | Cho phép actor gửi báo cáo danh sách nhân viên nghỉ/ đi làm theo ngày qua email | | |
| **Actor** | Staff | **Trigger** | Actor click button **[Send]** trong trang Report\_Day |
| **Pre-condition** | Actor đã đăng nhập vào hệ thống, điền thông tin ngày-tháng-năm | | |
| **Post condition** | Gửi báo báo theo ngày qua email thành công | | |

##### **Activities**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Gửi báo cáo theo ngày qua email thành công** | | | |
| 1 | Người dùng truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Report". |  |  |
|  |  | 2 | Hệ thống hiển thị trang Report\_Day (mặc định) |
| 3 | Người dùng nhập thông tin ngày-tháng-năm muốn lấy rồi bấm “Search” |  |  |
|  |  | 4 | Hệ thống truy xuất dữ liệu từ bảng Attendance trong cơ sở dữ liệu sao cho dữ liệu ngày tháng năm trong bảng Attendance trùng với ngày/tháng/năm mà người quản lý muốn xuất. |
|  |  | 5 | Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên đi làm và nghỉ của ngày hôm đó vào 2 bảng nhân viên đi làm và nhân viên vắng của cả 2 ca trong trang Report. (2 bảng của ca 2 sẽ được ẩn đi, nếu người dùng đổi comboBox sang ca2 thì bảng của ca 2 sẽ hiện lên và ca 1 sẽ ẩn đi). |
| 8 | Người dùng bấm Send |  |  |
|  |  | 9 | Hệ thống hiển thị cửa số Send lên màn hình |
| 10 | Người dùng chọn email trong đanh sách muốn gửi (nếu không có thì nhập email vào thanh input)  rồi bấm “Send” |  |  |
|  |  | 11 | Hệ thống xuất danh sách báo cáo vào file Excel có tên:” Ngày\_Tháng\_Năm\_Phòng ban” vào folder Report. Sau đó gửi file excel đẫ chọn |

##### **Business Rules**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Rule No.** | **Rule** | **Description** |
|  |  |  |

##### **System Message**

|  |  |
| --- | --- |
| MS05 | “Gửi thành công”  Message thông báo khi hệ thống đã gửi thành công tới các email |
| MS06 | “Gửi thất bại”  Message thông báo khi hệ thống không gửi được file tới các email |

### UC15: Gửi báo cáo theo tháng qua email

##### **Use Case Description**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Name** | Gửi báo cáo theo tháng qua email | **Code** | UC15 |
| **Description** | Cho phép actor gửi báo cáo danh sách nhân viên và số ca đi làm theo tháng qua email | | |
| **Actor** | Staff | **Trigger** | Actor click button **[Send]** trong trang Report\_Month |
| **Pre-condition** | Actor đã đăng nhập vào hệ thống, điền thông tin tháng muốn xem | | |
| **Post condition** | Gửi báo cáo theo tháng qua email thành công | | |

##### **Activities**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Gửi báo cáo theo tháng qua emai thành công** | | | |
| 1 | Người dùng truy cập vào hệ thống và chọn chức năng "Report". |  |  |
|  |  | 2 | Hệ thống hiển thị trang Report\_Day |
| 3 | Người dùng bấm nút “Month” trên màn hình |  |  |
|  |  | 4 | Hệ thống hiển thị trang Report\_Month |
| 5 | Người dùng nhập thông tin tháng muốn lấy rồi bấm “Search” |  |  |
|  |  | 6 | Hệ thống truy xuất dữ liệu từ bảng Attendance trong cơ sở dữ liệu lấy thông tin gồm tên các nhân viên, tháng đã nhập, số ca đi làm trong tháng |
|  |  | 7 | Hệ thống hiển thị danh sách đó lên bảng trên màn hình |
| 8 | Người dùng bấm Send |  |  |
|  |  | 9 | Hệ thống hiển thị cửa sổ Send trên màn hình |
| 10 | Người dùng chọn email trong đanh sách muốn gửi (nếu không có thì nhập email vào thanh input)  rồi bấm “Send” |  |  |
|  |  | 11 | Hệ thống xuất danh sách báo cáo vào file Excel có tên:” Tháng\_Năm\_Phòng ban” vào folder Report. Sau đó gửi file excel vừa xuất đến email được chọn |

##### **Business Rules**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Rule No.** | **Rule** | **Description** |
|  |  |  |

##### **System Message**

|  |  |
| --- | --- |
| MS05 | “Gửi thành công”  Message thông báo khi hệ thống đã gửi thành công tới các email |
| MS06 | “Gửi thất bại”  Message thông báo khi hệ thống không gửi được file tới các email |

### UC16: Xuất bảng chấm công

##### **Use Case Description**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Name** | Xuất bảng chấm công | **Code** | UC16 |
| **Description** | Cho phép actor lấy bảng chấm công theo phòng ban và tháng | | |
| **Actor** | Accoutant | **Trigger** | Actor click button **[Export Excel]** trong trang Accountant |
| **Pre-condition** | Actor đã đăng nhập vào hệ thống, điền tên của phòng ban và tháng muốn lấy thông tin | | |
| **Post condition** | Xuất bảng chấm công thành công | | |

##### **Activities**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Xuất bảng chấm công thành công** | | | |
| 1 | Người dùng truy cập vào hệ thống và chọn chức năng “Accountant". |  |  |
|  |  | 2 | Hệ thống hiển thị trang Accountant |
| 3 | Người dùng nhập thông tin được yêu cầu gồm tên phòng ban và tháng, năm |  |  |
|  |  | 4 | Hệ thống truy xuất dữ liệu các nhân viên trong phòng ban đã nhập gồm tên của nhân viên (trong bảng WorkerList), số công hưởng của mỗi ngày từ đầu tháng tới cuối tháng đã nhập, tổng số ca công hưởng cả tháng (trong bảng Attendance) trên cơ sở dữ liệu |
|  |  | 5 | Hệ thống hiển thị danh sách đó lên bảng trong màn hình của Accountant |
| 6 | Người dùng bấm “Export Excel” |  |  |
|  |  | 7 | Hệ thống hiện cửa sổ chọn vị trí lưu file báo cáo. |
| 8 | Người dùng chọn vị trí lưu file và tên file được để mặc định theo format:”ChamCong\_PhongBan\_ Thang\_Nam” (được phép chỉnh sửa), rồi bấm lưu |  |  |
|  |  | 7 | Hệ thống xuất báo cáo vào đúng vị trí người dùng đã chọn. |

##### **Business Rules**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Rule No.** | **Rule** | **Description** |
|  |  |  |

##### **System Message**

|  |  |
| --- | --- |
| MS05 |  |
| MS06 |  |

### UC17: Gửi bảng chấm công qua Email

##### **Use Case Description**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Name** | Xuất bảng chấm công | **Code** | UC17 |
| **Description** | Cho phép actor gửi file bảng chấm công theo phòng ban cho email được chọn | | |
| **Actor** | Accoutant | **Trigger** | Actor click button **[Send]** trong trang Accountant |
| **Pre-condition** | Actor đã đăng nhập vào hệ thống, điền tên của phòng ban và tháng muốn lấy thông tin | | |
| **Post condition** | Gửi bảng chấm công qua email thành công | | |

##### **Activities**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Gửi bảng chấm công qua email thành công** | | | |
| 1 | Người dùng truy cập vào hệ thống và chọn chức năng “Accountant". |  |  |
|  |  | 2 | Hệ thống hiển thị trang Accountant |
| 3 | Người dùng nhập thông tin được yêu cầu gồm tên phòng ban và tháng, năm |  |  |
|  |  | 4 | Hệ thống truy xuất dữ liệu các nhân viên trong phòng ban đã nhập gồm tên của nhân viên (trong bảng WorkerList), số công hưởng của mỗi ngày từ đầu tháng tới cuối tháng đã nhập, tổng số ca công hưởng cả tháng (trong bảng Attendance) trên cơ sở dữ liệu |
|  |  | 5 | Hệ thống hiển thị danh sách đó lên bảng trong màn hình của Accountant |
| 8 | Người dùng bấm Send |  |  |
|  |  | 9 | Hệ thống hiển thị cửa sổ Send trên màn hình |
| 10 | Người dùng chọn email trong đanh sách muốn gửi (nếu không có thì nhập email vào thanh input)  rồi bấm “Send” |  |  |
|  |  | 11 | Hệ thống xuất danh sách báo cáo vào file Excel có tên” Cham Cong \_ Phong Ban \_ Thang\_Nam” vào folder Report. Sau đó gửi file excel vừa xuất đến email được chọn |

##### **Business Rules**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Rule No.** | **Rule** | **Description** |
|  |  |  |

##### **System Message**

|  |  |
| --- | --- |
| MS05 |  |
| MS06 |  |